

Bản án số: 11/2024/HS-PT
Ngày 27-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 09/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo Nông Văn Q, Triệu Văn H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2023/HS-ST ngày 28-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nông Văn Q, sinh ngày 24/4/1969 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng, trình độ học vấn: 5/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn V và bà Phương Thị H; có vợ là Hứa Thị H và 04 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt từ ngày 16/5/2023 đến nay; có mặt.

2. Triệu Văn H, sinh ngày 09/3/1989 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn B (đã chết) và bà Phùng Thị N; có vợ là Hoàng Thị Y và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt từ ngày 16/5/2023 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn H: Bà Nông Thị T – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm T tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 03 bị cáo khác và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2023, Đặng Minh T xuất cảnh trái phép sang tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) để tìm cát bóc hài cốt của chị gái vợ là Vi Thị H, sinh năm 1978 (bị tai nạn giao thông chết tại Trung Quốc). Trong thời gian ở Trung Quốc, T gặp một phụ nữ Việt Nam tên Thuy (không biết họ), khoảng 30 tuổi, lấy chồng và đang sinh sống tại Trung Quốc, T và Thuy kết bạn Zalo với nhau. Sau khi về Việt Nam, T và Thuy thỉnh thoảng liên lạc với nhau thông qua Zalo, Thuy đặt vấn đề nhờ Tr tìm người ở khu vực biên giới để đưa khách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc theo đường mòn. Tr đồng ý.

Khoảng đầu tháng 3/2023, T về Việt Nam theo đường mòn thuộc khu vực xã X, huyện C và gặp Nông Văn Q. Qua nói chuyện T đặt vấn đề đưa khách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Q đồng ý. T báo cho Thuy biết và gửi tài khoản Wechat của Q cho Thuy. Thuy bảo T đón khách tại thành phố L, tự thu mỗi khách là 500.000 đồng, sau đó bố trí người đưa vào khu vực biên giới giao cho Q để Q đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, phía bên Trung Quốc sẽ có người của Thuy đón và trả tiền công cho Q riêng. T đồng ý.

Cũng vào đầu tháng 3/2023, Nông Văn Q nhận và trả lời yêu cầu kết bạn qua Wechat của người phụ nữ tên Thuy. Thuy đặt vấn đề thuê Q đưa người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc với tiền công là 500 Nhân dân tệ/01 khách. Khi nào đưa khách đến hàng rào biên giới, Thuy sẽ cho người đón và trực tiếp trả tiền cho Q, Q đồng ý.

Khoảng 11 giờ ngày 15/5/2023, Thuy thông báo cho T biết có 04 khách có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và gửi cho T số điện thoại để liên lạc đón, khi nào đưa được 04 khách này vào đến khu vực biên giới thì báo cho Thuy biết, Thuy sẽ cho người lên biên đón. T điện thoại cho 04 khách theo số điện thoại mà Thuy đã gửi thì biết: Có 02 khách là La Hồng A và Trần Thị Kim A đang nghỉ tại nhà nghỉ H; 01 khách là nam giới (không giới thiệu họ tên, địa chỉ) cho biết đang trên đường đi từ Hà Nội lên Lạng Sơn; 01 khách khác là phụ nữ (không giới thiệu họ tên, địa chỉ) đang ở khu vực thành phố L. T hẹn 04 khách khoảng 19 giờ tập trung trước cửa nhà nghỉ H (gần bến xe phía Bắc) sẽ có người đón, đưa vào khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Sau khi liên lạc được với 04 người khách, khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Tr điện thoại cho Nông Văn Q thông báo 04 người khách đã đến thành phố L, bảo Q cho người đến khu vực bến xe phía Bắc đón khách. Q đồng ý. Q biết Lâm Văn Q1 thường hay chở gổ từ xã X, huyện C đến huyện H bán. Q đã gọi điện thoại cho Q1 đặt vấn đề đón 04 người Việt Nam đang ở thành phố L

đưa vào đến cầu P thuộc xã X, huyện C với giá tiền công là 500.000 đồng/01 khách, Q1 sẽ đón và đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Q1 đồng ý. Do Q1 đang trên đường chở gỗ về huyện H nên Q1 đã gọi điện cho Chu Văn Th (là người khai thác gỗ thuê cho Q1) báo có 04 khách cần xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và bảo T tìm thêm người cùng đi chở tiền công là 300.000 đồng/01 khách. T đồng ý và rủ Triệu Văn H (khai thác gỗ thuê cho Q1) tham gia cùng. Do H không có phương tiện chở khách nên T bảo Q tìm xe mô tô cho H. Q báo cho Q1 biết đã tìm được người đi đón khách, đồng thời hỏi mượn xe mô tô của Q để H mang đi chở khách, Q đồng ý. Sau khi tìm được người đón khách, Q đã báo lại cho Tr biết và bảo Tr liên hệ với Q1 để giao khách. T gọi điện thoại cho Q1 thì được biết đến 19 giờ cùng ngày sẽ có người đến cây xăng H thuộc xã H, huyện C để nhận khách. Q1 gửi số điện thoại của Chu Văn T cho Tr và bảo trực tiếp liên hệ với T để giao khách.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, Tr đến trước cửa nhà nghỉ H gặp 04 khách và thu của La Hồng A, Trần Thị Kim A, mỗi người 500.000 đồng (02 người là 1.000.000 đồng), còn 02 khách khác yêu cầu đưa vào đến biên giới Trung Quốc mới trả tiền. Tr lấy máy điện thoại của La Hồng A gọi điện cho Chu Văn T, T nói sẽ đón khách ở gần cây xăng H. T gọi một xe taxi đến đón và đưa 04 khách đến khu vực cây xăng H với giá 50.000 đồng. T dặn La Hồng A khi đến cây xăng H thì điện thoại theo số 0386.068.439 của Chu Văn T để hỏi vị trí đón. Sau đó Tr gọi điện bảo Q khi nào đón được khách thì tiếp tục thu hộ cho Tr 1.000.000 đồng đổi với 02 khách chưa nộp tiền, đồng thời thu mỗi người 500.000 đồng để trả tiền xe ôm cho Q1.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, T sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 12U1-122.56 chở H đến nhà Q tại thôn P, xã X lấy xe mô tô biển kiểm soát 12K8-9628, sau đó cả hai (mỗi người đi một xe mô tô) từ xã X, huyện C đến khu vực cây xăng H, huyện C đón khách. Khoảng 19 giờ 30 phút, T và H đi xe mô tô đến khu vực gần cây xăng H (cách cây xăng 500m) đón được 04 khách, T chở La Hồng A, Trần Thị Kim A đi trước, H chở 02 người khách (01 nam, 01 nữ) đi sau hướng vào khu vực biên giới thuộc xã X, huyện C.

Khoảng 20 giờ 30 phút khi T và H chở khách đến khu vực chốt kiểm soát người, phương tiện ra vào khu vực biên giới thuộc thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì T bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện bắt giữ; lợi dụng trời tối H đã chở 02 khách bỏ chạy vào hướng biên giới.

Trong quá trình điều tra, các bị can Chu Văn T, Lâm Văn Q1, Đặng Minh Tr, Nông Văn Q đều khai nhận trước đó đã thực hiện trót lọt 04 lần đưa 06 người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 03/5/2023, Đặng Minh T được Thụy bảo đón, đưa 02 khách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và gửi cho Tr số điện thoại của 01 trong hai người khách. Khoảng 15 giờ 37 phút, Tr đã liên hệ và đón được 02 người phụ nữ tại khu vực bến xe phía B (không rõ họ tên, địa chỉ) và thu của mỗi người 500.000 đồng. Tr liên hệ với Nông Văn Q đưa 02 khách trên vào khu vực biên giới. Q gọi điện cho Q1 đặt vấn đề chở 02 khách trên từ cây xăng

H đến cầu P, xã X với giá 300.000 đồng/01 khách, Q1 đồng ý. Sau đó Q1 gọi cho Chu Văn T đón 02 khách từ xã H đến xã X giao cho Q, T đồng ý. Sau khi đã bố trí được người đi đón khách, Q1 báo lại cho Tr biết và thống nhất việc đón khách ở khu vực cây xăng H. Tr báo lại cho 02 khách biết khi nào có người gọi thì đi xe taxi ra khu vực cây xăng H sẽ có người đón để đưa đi. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T sử dụng xe mô tô biển kiểm soát BKS 12U1-122.56 đến khu vực cây xăng H đón được 02 người phụ nữ rồi chở vào khu vực biên giới, khi đi đến cầu P, xã X, T báo cho Q1 biết, Q1 gọi cho Q ra đón khách, Q đi bộ ra khu vực cầu P đón khách và thu của mỗi người 300.000 đồng để trả tiền xe ôm. Sau đó đưa 02 người phụ nữ đi theo đường mòn lên khu vực biên giới thuộc khu vực mốc 1206- 1207, trên đường đi Q thông báo cho Thuy biết, đến nơi đợi khoảng 15 phút sau có 01 người đàn ông Trung Quốc (không biết họ tên) đến đón 02 khách trên và trả cho Q 1000 Nhân dân tệ tiền công.

- Lần thứ hai: Ngày 04/5/2023, Tr tiếp tục được Thuy thông báo cho biết có 01 khách cần đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và gửi cho Tr số điện thoại 0798264836. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Tr gọi điện thoại cho khách và hẹn gặp nhau tại bến xe phía B (không rõ họ tên, địa chỉ). Tr đã thu người này 500.000 đồng và bảo đợi khi nào có người gọi thì đi xe taxi vào khu vực cây xăng H sẽ có người đón. Tr liên hệ bảo Q cho người ra khu vực cây xăng H đón khách, Q bảo Tr cứ liên hệ với Q1 để giao nhận khách, vì trước đó Q và Q1 đã thống nhất với nhau khi nào có khách cần xuất cảnh trái phép thì Q1 sẽ đón từ thành phố L để đưa vào xã X, huyện C cho Q. Sau đó Tr gọi điện thoại cho Q1 đặt vấn đề ra cây xăng H đón 01 khách đưa đến cầu P giao cho Q với giá tiền công 300.000 đồng/01 khách, Q1 đồng ý. Q1 gọi điện cho Chu Văn T đi đón khách với giá tiền công là 300.000 đồng/01 khách và dặn khi nào đón được khách thì liên lạc với Q để giao khách.

Khoảng 18 giờ 45, T đi xe mô tô BKS 12U1-122.56 đến khu vực cây xăng H gọi vào số điện thoại 0798264836 đón được 01 người khách (nam giới) đưa vào cầu P, xã X, để giao cho Q. Khoảng 20 giờ 30 phút, Q đón khách và thu của người này 300.000 đồng để trả tiền xe ôm, sau đó đưa người khách trên lên khu vực biên giới thuộc mốc 1206- 1207 và báo cho Thuy biết, sau đó có một người đàn ông Trung Quốc lên đón khách và trả cho Q 500 Nhân dân tệ tiền công.

- Lần thứ ba: Ngày 05/5/2023, Tr tiếp tục được Thuy thông báo cho biết có 01 khách cần đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Thuy đã gửi số điện thoại 0354290268 của Tr cho khách, khi nào đi thì khách sẽ chủ động liên hệ với Tr sau. Khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày, có người đàn ông sử dụng số điện thoại 0384869717 gọi cho Tr nói có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Tr dặn khi nào đến thành phố L thì Tr sẽ bố trí người đưa qua biên. Người khách này cho biết đang đi từ huyện H đến thành phố L. Tr cho Q biết đang có 01 khách cần đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và dặn Q cho người ra khu vực cây xăng H đón khách, Q bảo Tr liên hệ với Q1. Do vậy, Tr đã gọi điện thoại cho Q1 đặt vấn đề chở khách từ cây xăng H đến cầu P giao cho Q với giá tiền công 300.000đ/khách và gửi số điện thoại của khách cho Q1.

Q1 đồng ý và tiếp tục gọi điện cho Chu Văn T đi đón khách với giá tiền công là 300.000đ/khách.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, Tr và người khách này gặp nhau tại bến xe phía B, tại đây Tr thu 500.000đ tiền công và gọi xe taxi đưa người khách này đến khu vực cây xăng H. T đón người khách nam giới trên đưa vào cầu P, xã X. Khoảng 20 giờ 30 phút, đến cầu P, Q ra đón. Q thông báo cho Thuy biết và đưa khách đi theo đường mòn lên khu vực mốc biên giới 1206-1207, trên đường đi Q đã thu của khách 300.000đ để trả tiền xe ôm. Khi lên đến hàng rào biên giới đã có 01 người đàn ông Trung Quốc lên nhận khách và trả cho Q 500 Nhân dân tệ tiền công.

- Lần thứ tư: Ngày 06/5/2023, Thuy tiếp tục thông báo cho Tr biết có 02 khách là nữ giới đang cần đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và bảo Tr tìm cách đưa vào khu vực biên giới để giao cho Nông Văn Q, đồng thời Thuy gửi cho Tr số điện thoại 0393319811 để liên hệ đón. Sau đó Tr báo cho Q và Q1 biết để bố trí người ra đón khách, cả ba người thống nhất tiền công trả cho xe ôm là 500.000đ/khách (do đường xa, đi lại khó), Q1 cho biết Chu Văn T về nhà do vậy không bố trí được người đến đón và hẹn Tr đến sáng ngày 07/5/2023, T sẽ liên hệ đón khách. Sau đó Tr đã gửi số điện thoại của khách cho Q1 để Q1 gửi cho T.

Khoảng 09 giờ ngày 07/5/2023, Tr hẹn gặp 02 người phụ nữ tại khu vực bến xe phía B và thu mỗi người 500.000đ/khách, sau đó gọi xe taxi đưa 02 người phụ nữ này đến cây xăng H để đợi T đón. Khoảng 09 giờ 30 phút, T đi đến gần cây xăng H, xã H, huyện C đón được 02 người phụ nữ. Khoảng 11 giờ 30 phút, T đưa khách vào đến cầu P giao cho Q. Q thu mỗi khách 500.000đ tiền trả cho xe ôm, đồng thời Q thông báo cho Thuy biết đã đón được khách. Thuy cho biết do lực lượng chức năng bên Trung Quốc đang tuần tra do vậy khi nào bố trí được người đón thì Thuy sẽ báo lại sau. Khoảng 14 giờ, Q1 bảo T đến quán tạp hóa của Q, tại đây Q trả cho T 2.200.000đ tiền công trong 04 lần chở khách xuất cảnh trái phép và dặn T đưa số tiền trên cho Q1. Khoảng 01 giờ ngày 08/5/2023, Thuy bảo Q đưa khách lên biên, Q đưa 02 khách trên đi theo đường mòn mốc 1206-1207 lên hàng rào biên giới giao cho một người đàn ông Trung Quốc và được nhận 1.000 Nhân dân tệ tiền công.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2023/HS-ST ngày 28-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nông Văn Q, Triệu Văn H phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nông Văn Q 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm r, s khoản 1, 02 tình tiết tại khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Triệu Văn H 20 (hai mươi) tháng tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị cáo Nông Văn Q, Triệu Văn H đều có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Triệu Văn H rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Bị cáo Nông Văn Q giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo Nông Văn Q, Triệu Văn H về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng đối với các bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Văn H tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Triệu Văn H; bị cáo Nông Văn Q đã giao nộp bổ sung tại cấp phúc thẩm: 01 biên lai thể hiện bị cáo đã ủng hộ 2.000.000 đồng để xây dựng đền thờ Chi Lăng; 01 biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và tiền thu lợi bất chính là 10.261.470 đồng, 01 biên lai thu tiền ủng hộ quỹ vì người nghèo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo Nông Văn Q được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348, điểm d khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Triệu Văn H; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Văn Q, sửa một phần quyết định về phần hình phạt tù đối với bị cáo Nông Văn Q giảm cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh còn kiến nghị việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm cho bị cáo Triệu Văn H theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không chính xác.

Bà Nông Thị T là người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bị cáo Triệu Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nông Văn Q, Triệu Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Do đó, có Căn cứ để xác định: Các bị cáo Đặng Minh Tr, Nông Văn Q, Chu

Văn T, Lâm Văn Q1 đã 05 lần đưa 10 người xuất cảnh trái phép qua Trung Quốc; bị cáo Triệu Văn H 01 lần đưa 04 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nhằm hưởng lợi ích vật chất. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nông Văn Q về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Triệu Văn H về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Triệu Văn H rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy, việc bị cáo rút toàn bộ kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận việc rút kháng cáo, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm; nội dung về hình phạt tù đối với bị cáo Triệu Văn H của Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[3] Đối với nội dung kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thấy rằng trong vụ án này bị cáo Triệu Văn H tham gia đồng phạm với các bị cáo khác trong vụ án, thực hiện 01 lần đón, đưa người xuất cảnh trái phép thì bị phát hiện vào ngày 15-5-2023. Khi bị cáo Chu Văn T bị bắt quả tang, bị cáo Triệu Văn H đã đến cơ quan đầu thú nên bị cáo Triệu Văn H, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 về việc người phạm tội tự thú là không chính xác, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh là có cơ sở, tại cấp phúc thẩm bị cáo Triệu Văn H đã rút đơn kháng cáo, để đảm bảo phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét sửa lại Bản án sơ thẩm theo nhận định trên; yêu cầu cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nông Văn Q thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng nhân thân, đã xem xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tại cấp phúc thẩm gia đình bị cáo đã giao nộp thêm các tài liệu mới gồm 01 biên lai thể hiện bị cáo Nông Văn Q đã tham gia ủng hộ quỹ xây dựng Đền thờ Chi Lăng với số tiền 2.000.000 đồng, ủng hộ quỹ Vì người nghèo 2.000.000 đồng, 01 biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và tiền thu lợi bất chính số tiền 10.261.470 đồng theo quyết định của Bản án sơ thẩm. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét thấy, mức hình phạt 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo Nông Văn Q đã phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời bị cáo là người nhân thân tốt, dân tộc thiểu số sinh sống tại xã biên giới, lại có trình độ văn hóa thấp (5/10) để thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối người phạm tội. Do đó, chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt tù của bị cáo Nông Văn Q.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận; những ý kiến không phù hợp thì không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nông Văn Q không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Triệu Văn H rút toàn bộ kháng cáo nên không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Triệu Văn H. Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2023/HS-ST ngày 28-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đối với nội dung có kháng cáo (phần hình phạt tù) của bị cáo Triệu Văn H có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Văn Q; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2023/HS-ST ngày 28-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt tù đối với bị cáo Nông Văn Q, cụ thể: Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nông Văn Q 05 (năm) năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 16-5-2023.

3. Ghi nhận bị cáo Nông Văn Q đã nộp số tiền 10.261.470 đồng (mười triệu hai trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm bảy mươi đồng) tại Biên lai thu tiền số BLTT/23 số 000852 ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nông Văn Q, Triệu Văn H không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở T tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. C, tỉnh Lạng Sơn;
- CA h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; NTGTTK;
- Lưu: HS; Tòa HS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Nguyệt